|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN GIA LỘC  **TRƯỜNG TIỂU HỌC TÂN TIẾN**  Số: 15/KH-THTT | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**  *Tân Tiến, ngày 07 tháng 9 năm 2022* |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC HAI BUỔI/NGÀY**

**NĂM HỌC 2022- 2023**

*Căn cứ Quyết định số 2220/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2022-2023 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên; Công văn số 1100/SGDĐT-GDTH ngày 31/8/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2022 - 2023;*

*Căn cứ Công văn 555/UBND - GDĐT ngày 31/8/2022 của UBND huyện Gia Lộc về việc chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ năm học 2022-2023; Công văn số 180/PGDĐT-GDTH ngày 09/9/2022 của PGDĐT Gia Lộc về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ GDTH huyện Gia Lộc năm học 2022- 2023;*

*Căn cứ kết quả đạt được năm học 2021 - 2022 và tình hình thực tế năm học 2022 – 2023 của nhà trường.*

Trư­ờng TH Tân Tiến xây dựng kế hoạch dạy học 2 buổi/ngày, năm học 2022 – 2023 cụ thể như sau:

**I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

**1. Kết quả hoạt động năm học 2021 - 2022**

**-** Trong thời gian tình hình dịch bệnh Covid-19 được kiểm soát, nhà trường đã tổ chức học 2 buổi/ngày cho 100% số học sinh trong toàn trường, dạy tự chọn môn Tiếng Anh cho 100% học sinh cả trường, dạy Tin học từ khối 2 đến khối 5 và dạy Kĩ năng sống từ khối 1 đến khối 4.

- Trong thời gian học sinh học tập theo hình thức trực tuyến hoặc học trực tiếp 1 buổi/ngày, theo chỉ đạo chung của lãnh đạo Sở GDĐT, Phòng GDĐT, nhà trường tổ chức dạy học 5 tiết/buổi, tạo điều kiện cho HS tiếp tục được học các môn tự chọn.

-Trong buổi 2, học sinh được luyện tập và hoàn thành kiến thức buổi 1, rèn kĩ năng sống qua các tiết hoạt động ngoài giờ lên lớp... Việc tổ chức cho học sinh học 2 buổi/ngày đã góp phần quan trọng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho HS.

**\* Kết quả công tác phổ cập GDTH:** Đạt chuẩn PCGDTH mức độ 3.

- Huy động 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1

- Tỷ lệ trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình bậc Tiểu học đạt 98%.

- Duy trì số lượng đến cuối năm đạt 100%.

- Huy động trẻ KT học hoà nhập: 7 em.

**\* Chất lượng giáo dục toàn diện:**

***Kết quả giáo dục cuối năm học*:**

Đối với học sinh bình thường:

- HS hoàn thành Chương trình Tiểu học và chương trình lớp học, được lên lớp: 423/425 HS - đạt 99,5%, trong đó HS lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học: 74/75 em - đạt 100%

Lưu ban: 2 HS – tỉ lệ 0,5%

- Đánh giá XL Thể lực HS (không đánh giá 7 HSKT):

Tốt : 230/425 HS đạt 54,1% Đạt: 195/425 đạt 45,9%

- Khen thưởng cuối năm: Tổng số được khen thưởng: 241HS gồm:

+ HS Xuất sắc/hoàn thành xuất sắc các nội dung HT&RL: 144 em, đạt 33,9%

+ Học sinh Tiêu biểu/có thành tích vượt trội hay tiến bộ vượt bậc ít nhất 1 môn học hoặc ít nhất 1 NL, PC được GV giới thiệu và tập thể lớp công nhận: 97 em, đạt 22,8%.

Đối với học sinh khuyết tật học hòa nhập: 100% HS KT có kế hoạch giáo dục cá nhân phù hợp với đặc điểm HS. Cuối năm học, 7/7 em được chuyển lên lớp theo nguyện vọng của gia đình.

**\* Chất lượng các phong trào thi đua:**

Trường đã tổ chức và tạo điều kiện cho HS tham gia nhiều cuộc giao lưu: Vui Tết Trung thu cho học sinh toàn trường; Hội khoẻ Phù Đổng; Trạng nguyên Tiếng Việt, Olympic tiếng Anh qua mạng, Violympic Toán qua mạng, Bóng đá, tuyên truyền “Bảo vệ mắt học đường” ..., thu hút được nhiều HS tham gia và đã chọn được các tập thể và cá nhân tiêu biểu dự giao lưu cấp huyện và tỉnh.

Kết quả giao lưu các cấp:

Đông đảo HS tự nguyện tham gia các cuộc thi, giao lưu qua mạng, tuyên truyền bảo vệ mắt học đường và tuyên truyền an toàn giao thông... KQ cụ thể:

Cấp huyện: 2 giải KK Cờ vua.

Cấp tỉnh: 50 giải (17 giải Nhất, 7 giải Nhì, 16 giải Ba và 10 giải KK).

Cấp Quốc gia: 18 em (3 giải Nhất+HCV, 8 giải Nhì+HCB và 7 HCĐ).

**2. Đặc điểm tình hình năm học 2022-2023**

**2.1. Quy mô trường lớp**

*\** ***Đội ngũ giáo viên***

- Chỉ tiêu biên chế được giao năm 2022 là 25 CB, GV, NV.

- Bước vào năm học 2022 - 2023, nhà trường có 25 CB, GV, NV. Trong đó:

+ Cán bộ quản lí: 2 (trình độ ĐHSP: 2; TCLLCT: 2; QLNN-CV: 2)

+ Giáo viên: 19 (BC: 17; HĐ trong BC: 1; HĐ dạy tự chọn: 1). Cụ thể:

GV văn hoá: 13 (trình độ ĐHSP: 11; CĐSP: 2, trong đó đang học ĐH: 01)

GV chuyên Nhạc: 1 (trình độ ĐHSP)

GV chuyên GDTC: 1 (trình độ ĐHSP)

GV chuyên Mĩ thuật: 01 (trình độ Cao đẳng, đang học Đại học)

GV chuyên Ngoại ngữ : 2 (BC: 01; Hợp đồng mùa vụ: 01. ĐHSP: 1; CĐSP, đang học ĐH: 01; NLNN B2: 2)

GV chuyên Tin - HĐ trong BC: 1 (trình độ ĐHSP)

+ Nhân viên: 4 (BC: 2; HĐ: 02- 01 KT và 01- Bảo vệ).

+ GV có tuổi đời thấp nhất: 24 (1 đ/c), cao nhất: 53 (1 đ/c).

+ Tuổi nghề: Cao nhất là 30 năm, thấp nhất là 3 năm.

- Số GV đã từng đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở: 5 đồng chí (trong đó có 2 GV đạt nhiều năm liên tục), đa số GV đạt danh hiệu lao động tiên tiến.

- Số GV đã được công nhận GV dạy giỏi cấp huyện: 9 đồng chí.

- Số GV đã tham gia công tác BD HS giỏi (đạt HS giỏi cấp huyện, tỉnh): 2.

- Cơ cấu các tổ chuyên môn, lãnh đạo tổ chuyên môn cơ bản giữ ổn định.

Dự kiến, từ tháng 1/2023, nhà trường có thêm 01 GVVH và 01 NV Kế toán là viên chức.

***\* Học sinh***

Năm học 2022-2023, Trường Tiểu học Tân Tiến có 14 lớp với tổng số 417 học sinh (7 HS khuyết tật học hòa nhập), giảm 1 lớp và 14 HS so với năm học trước, cụ thể như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối** | **Số lớp** | **Số HS** | **HS nữ** | **HS nam** | **Con LL C.A, QĐ** | **Con hộ nghèo** | **Con hộ cận nghèo** | **HSKT** |
| 1 | 2 | 63 | 28 | 35 | 5 |  |  | 1 |
| 2 | 3 | 94 | 49 | 45 | 1 | 1 |  | 1 |
| 3 | 3 | 76 | 30 | 46 |  |  |  | 2 |
| 4 | 3 | 79 | 36 | 43 | 2 | 1 |  | 2 |
| 5 | 3 | 105 | 44 | 60 |  | 1 |  | 1 |
| ***+*** | **14** | **417** | **187** | **230** | **8** | **3** |  | **7** |

- Sĩ số lớp thấp nhất 25 HS, cao nhất 38 HS.

*\** ***Cơ sở vật chất nhà trường***:

- Tổng diện tích khuôn viên: 4040 m2 (sân chơi 1.700m2; Bãi tập 340m2)

- Phòng học: có 14 phòng học/14 lớp, đủ phòng học cho 100% HS được học 2 buổi/ngày. Mỗi phòng học có đủ bàn ghế 2 chỗ ngồi theo quy định, 100% lớp học được mắc đèn chống cận, có bảng chống loá, tủ đựng đồ dùng, bình đựng nước uống, trang trí phòng học theo đúng quy định; có ti vi màn hình rộng kết nối Internet.

- Phòng bộ môn: có 2 phòng, đó là phòng dạy Ngoại ngữ và Tin học với 15 máy vi tính được nối mạng Internet, có ti vi màn hình rộng phục vụ dạy học; phòng dạy Âm nhạc và Mĩ thuật được lắp bảng tương tác.

- Nhà trường có đủ các phòng làm việc theo quy định: Phòng họp, phòng Văn thư - Kế toán, phòng HT, phòng PHT, phòng đọc HS - GV, phòng thiết bị, phòng bảo vệ, phòng Đội, phòng y tế, phòng truyền thống.

***\* Tình hình địa phương***:

Tân Tiến là một xã nhỏ, thuần nông, nằm phía Đông huyện Gia Lộc, số lượng gia đình có máy vi tính kết nối Internet rất hiếm.

Đảng bộ, chính quyền, các đoàn thể rất quan tâm đến sự nghiệp giáo dục của địa phư­ơng, ưu tiên đầu tư xây dựng CSVC cho nhà trường đạt trường Tiểu học đạt Chuẩn Quốc gia từ năm 2010, được công nhận chuẩn lại vào các năm 2016 và 2021. Năm 2019, xây mới khu bếp ăn bán trú, khu vệ sinh HS, nâng cấp hệ thống thoát nước, sân chơi, sân tập, sân khẩu… Địa phương có kế hoạch chuyển trường THCS ra địa điểm mới để mở rộng diện tích khuôn viên cho trường Tiểu học.

Các đoàn thể chính trị, xã hội của địa phương, Ban đại diện cha mẹ HS thường xuyên phối hợp với nhà trường làm tốt công tác xã hội hoá giáo dục, huy động nguồn lực xây dựng CSVC nhà trường ngày càng khang trang, sạch đẹp.

**2.2. Những thuận lợi và khó khăn**

\* ***Thuận lợi***:

- Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Sở GDĐT và Phòng GDĐT.

- Đảng bộ và nhân dân xã nhà quan tâm sâu sát đến sự nghiệp giáo dục, tạo điều kiện về CSVC nhà trường tương đối đầy đủ để đáp ứng việc dạy học 2 buổi/ngày và duy trì trường Chuẩn mức độ I, phấn đấu đạt Chuẩn mức độ II trong những năm tới.

- Đủ CBQL và GV các môn chuyên. Hầu hết GV có trình độ đào tạo Đại học và đang theo học Đại học (trừ 01 GV cao tuổi, sắp nghỉ hưu). Đa số GV nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm và năng động trong mọi công việc đ­ược giao. 100% GV có khả năng ứng dụng CNTT trong dạy học, GV trẻ có khả năng ứng dụng CNTT tốt trong dạy học và giáo dục. Một số GV có năng lực chuyên môn vững vàng, tích cực vận dụng kĩ thuật dạy học tích cực trong tổ chức các hoạt động học tập; 1 CBQL (PHT) và 01 tổ trưởng đã được dự tập huấn chương trình GDPT 2018 do Bộ GD&ĐT tổ chức. Đội ngũ GV dạy lớp 1, lớp 2 và lớp 3 hầu hết trẻ khỏe, nhiệt tình, đã có kinh nghiệm, được bồi dưỡng chương trình, SGK mới. Tập thể nhà tr­ường có truyền thống đoàn kết nhất trí cao, có tinh thần giúp đỡ lẫn nhau hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường phối hợp đồng bộ với nhà trường để thúc đẩy hoạt động giáo dục trong nhà trường.

- Đủ 1 phòng học/lớp, 100% phòng học có thiết bị dạy học hiện đại, các khối lớp có tương đối đủ bộ thiết bị dạy học dùng chung. Có 2 phòng riêng dạy các môn chuyên.

- Chất lượng giáo dục toàn diện trong nhà trường có chiều hướng ổn định; nhiều

HS tích cực tự nguyện tham gia các cuộc giao lưu và đạt kết quả tốt ở 1 số nội dung. Học sinh được học 2 buổi/ngày ngay từ đầu năm học. Đa số học sinh chăm, ngoan, nhiều em có ý thức và nề nếp học tập tốt

- Tình hình dịch bệnh Covid-19 đã được kiểm soát, kinh tế người dân địa phương dần ổn định nên nhiều phụ huynh có điều kiện quan tâm, chăm lo đến việc học tập của con em.

**\* *Khó khăn***:

- Trang thiết bị cho học các môn năng khiếu còn hạn chế.

- Chưa có phòng học riêng cho từng môn chuyên.

- Kinh nghiệm giảng dạy và năng lực chuyên môn một vài GV hạn chế. Cải tiến phương pháp, kĩ thuật dạy học ở một số giáo viên chưa rõ nét.

- GV tuổi cao khả năng ứng dụng CNTT trong dạy học hạn chế.

- Đầu năm học, trường thiếu 01 GVVH kiêm chủ nhiệm lớp.

- Một số bố mẹ HS chưa thực sự quan tâm, chăm lo cho con em mình, do vậy việc kết hợp giữa gia đình và nhà trường, giữa cha mẹ và GVCN có lúc chưa kịp thời.

- Hầu hết gia đình học sinh không có máy vi tính kết nối Internet.

- Sân tập hẹp, không đủ diện tích sân bóng dành cho HSTH; chưa có nhà đa năng.

- Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 kéo dài, trong ba năm học trước, nhiều thời gian HS phải học trực tuyến nên các lớp đều có học sinh gặp khó khăn trong học tập. Đặc biệt, HS mới tuyển vào lớp 1, một số em chưa biết hết các chữ cái tiếng Việt, chưa biết cầm bút/cầm phấn, rất nhút nhát... nên GV gặp rất nhiều khó khăn khi thực hiện chương trình, SGK mới.

**II. CHỈ TIÊU PHẤN ĐẤU**

**1. Chất lượng giáo dục toàn diện**

***\* Kết quả giáo dục cuối năm lớp 1,2*** *(HS bình thường)*:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối** | **Số HS ĐĐG** | **HTXS** | | **HTT** | | **HT** | | **CHT** | | **Ghi chú** |
| **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** |
| 1 | 62 | 20 | 32,3 | 16 | 25,8 | 25 | 40,3 | 1 | 1,6 | 1KT |
| 2 | 93 | 30 | 32,3 | 25 | 26,9 | 37 | 39,7 | 1 | 1,1 | 1KT |
| 3 | 74 | 23 | 31,1 | 22 | 29,7 | 29 | 39,2 | 0 | 0 | 2KT |
| **Tổng** | **229** | **73** | **31,9** | **63** | **27,5** | **91** | **39,7** | **2** | **0,9** | **4KT** |

\* ***Kết quả đánh giá cuối năm lớp 4,5***

Học sinh bình thường:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối** | **Số HS ĐĐG** | **Tiếng Việt** | | | | | | **Toán** | | | | | |
| **HHT** | | **HT** | | **CHT** | | **HHT** | | **HT** | | **CHT** | |
| **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** |
| 4 | 77 | 30 | 39 | 47 | 61 | 0 | 0 | 29 | 37,7 | 48 | 62,3 | 0 | 0 |
| 5 | 104 | 32 | 30,7 | 72 | 69,3 | 0 | 0 | 32 | 30,7 | 72 | 69,3 | 0 | 0 |
| **Tổng** | **181** | **62** | **34,3** | **119** | **65,7** | **0** | **0** | **61** | **33,7** | **120** | **66,3** | **0** | **0** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối** | **Số HS ĐĐG** | **Khoa học** | | | | | | **Lịch sử-Địa lý** | | | | | |
| **HHT** | | **HT** | | **CHT** | | **HHT** | | **HT** | | **CHT** | |
| **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** |
| 4 | 77 | 30 | 39 | 47 | 61 | 0 | 0 | 30 | 39 | 47 | 61 | 0 | 0 |
| 5 | 104 | 35 | 33,7 | 69 | 66,2 | 0 | 0 | 35 | 33,7 | 69 | 66,2 | 0 | 0 |
| **Tổng** | **181** | **65** | **35,9** | **116** | **64,1** | **0** | **0** | **65** | **35,9** | **116** | **64,1** | **0** | **0** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối** | **Số HS ĐĐG** | **Tiếng Anh** | | | | | | **Tin học** | | | | | |
| **HHT** | | **HT** | | **CHT** | | **HHT** | | **HT** | | **CHT** | |
| **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** |
| 4 | 77 | 30 | 39 | 47 | 61 | 0 | 0 | 30 | 39 | 47 | 61 | 0 | 0 |
| 5 | 104 | 40 | 38,5 | 64 | 61,5 | 0 | 0 | 40 | 38,5 | 64 | 61,5 | 0 | 0 |
| **Tổng** | **181** | **70** | **38,7** | **111** | **61,3** | **0** | **0** | **70** | **38,7** | **111** | **61,3** | **0** | **0** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối** | **Số HS ĐĐG** | **Đạo đức** | | | | | | **Âm nhạc** | | | | | |
| **HHT** | | **HT** | | **CHT** | | **HHT** | | **HT** | | **CHT** | |
| **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** |
| 4 | 77 | 34 | 44,2 | 43 | 56,8 | 0 | 0 | 23 | 31,1 | 54 | 68,9 | 0 | 0 |
| 5 | 104 | 40 | 38,4 | 64 | 62,2 | 0 | 0 | 30 | 28,8 | 74 | 71,2 | 0 | 0 |
| **Tổng** | **181** | **74** | **40,9** | **107** | **59,1** | **0** | **0** | **53** | **29,3** | **128** | **70,7** | **0** | **0** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối** | **Số HS ĐĐG** | **Mỹ thuật** | | | | | | **Kỹ thuật** | | | | | |
| **HHT** | | **HT** | | **CHT** | | **HHT** | | **HT** | | **CHT** | |
| **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** |
| 4 | 77 | 25 | 32,5 | 52 | 67,5 | 0 | 0 | 37 | 48,1 | 40 | 51,9 | 0 | 0 |
| 5 | 104 | 35 | 33,7 | 69 | 66,3 | 0 | 0 | 42 | 40,4 | 62 | 59,6 | 0 | 0 |
| **Tổng** | **181** | **60** | **33,1** | **121** | **66,9** | **0** | **0** | **79** | **43,6** | **102** | **56,4** | **0** | **0** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối** | **Số HS ĐĐG** | **Thể dục** | | | | | |
| **HHT** | | **HT** | | **CHT** | |
| **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** |
| 4 | 77 | 40 | 51,9 | 37 | 48,1 | 0 | 0 |
| 5 | 104 | 54 | 51,9 | 50 | 48,1 | 0 | 0 |
| **Tổng** | **181** | **94** | **51,9** | **87** | **48,1** | **0** | **0** |

- 408/410 em được đánh giá Tốt và Đạt về hình thành và phát triển năng lực, đạt tỉ lệ 99,5% (không tính HSKT); Cần cố gắng: 0,5%

- 417/417 em được đánh giá Tốt và Đạt về hình thành và phát triển phẩm chất, đạt tỉ lệ 100% (bao gồm cả HSKT).

- Xếp loại thể lực:

HS nam: Tốt: 124/224 em – tỉ lệ 55,4% ; Đạt: 100/224 em – 44,6% ; CĐ: 0

HS nữ: Tốt: 103/186 em – tỉ lệ 55,4% ; Đạt: 83/186 em – 44,6% ; CĐ:0

- Học sinh hoàn thành CTLH, CTTH, lên lớp thẳng: 408/410 – đạt 99,5%. Trong đó HS lớp 5 hoàn thành chương trình Tiểu học: 104/104 em – đạt 100%.

7 HSKT đạt yêu cầu theo kế hoạch giáo dục cá nhân, được chuyển học hòa nhập lớp trên.

**2. Danh hiệu thi đua**

+ Tập thể:

Lớp Xuất sắc: 4 lớp; Lớp Tiên Tiến: 10 lớp

+ Cá nhân:

Học sinh Xuất sắc (lớp 1,2,3)/HS hoàn thành XS các nội dung học tập và rèn luyện (lớp 4,5): 123/410 – tỉ lệ 30,0%.

Học sinh Tiêu biểu (lớp 1-3)/HS có thành tích vượt trội hay tiến bộ vượt bậc về ít nhất 1 môn học hoặc ít nhất 1 năng lực, phẩm chất (lớp 4,5): 127/410 – tỉ lệ 31%.

Lớp có phong trào Vở sạch – Chữ đẹp: 15/15 - tỉ lệ 100%.

**3. Kết quả giao lưu**

Cấp quốc gia: 03 em; cấp tỉnh: 05 em; cấp huyện: 10 em

**4. Tổ chức học tự chọn**

- Tiếng Anh: Lớp 1,2: 2 tiết/tuần; Lớp 4,5: 4 tiết/tuần;

- Tin học: Lớp 1,2: 1 tiết/tuần; Lớp 4,5: 2 tiết/tuần;

- Kĩ năng sống (từ lớp 1 đến lớp 5): 1 tiết/tuần.

**III. KẾ HOẠCH DẠY HỌC 2 BUỔI/NGÀY**

**1. Mục đích của việc dạy học 2 buổi/ngày**

- Tăng cường các hoạt động thực hành vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn,

chú trọng giáo dục đạo đức, rèn luyện kĩ năng sống, hiểu biết xã hội cho học sinh;

- Tăng thời lượng học tập và rèn luyện các kĩ năng cho học sinh trên một đơn vị kiến thức, tránh được tình trạng quá tải trong học tập, làm cho việc học trở nên nhẹ nhàng, hiệu quả hơn;

- Điều chỉnh nội dung và các hoạt động giáo dục một cách linh hoạt, đảm bảo tính vừa sức, phù hợp với đối tượng học sinh, thời gian thực tế và điều kiện dạy học của nhà trường trên cơ sở chuẩn kiến thức, kĩ năng, yêu cầu cần đạt và định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh;

- Tăng cường các hoạt động thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện, được tổ chức một cách linh hoạt theo khả năng và nhu cầu của học sinh;

- Giúp học sinh có phương pháp và ý thức tự học, tự rèn luyện bản thân;

- Giúp cho nhà trường thực hiện hiệu quả mục tiêu giáo dục toàn diện, tạo cơ hội để các em vươn lên trong quá trình học tập, sớm bộc lộ và phát huy khả năng của mình;

- Giúp cho việc sắp xếp thời khóa biểu dạy môn các môn tự chọn, môn Tiếng Anh theo chương trình 4 tiết/tuần được linh hoạt và hợp lí hơn.

**2. Nguyên tắc và yêu cầu đối với việc tổ chức dạy học 2 buổi/ngày**

- Việc tổ chức dạy học 2 buổi/ngày nhằm đáp ứng cho đối tượng học sinh có nhu cầu, cha mẹ học sinh tự nguyện cho con em tham gia học tập; được sự đồng ý của cấp trên có thẩm quyền;

- Tổ chức vào các ngày từ thứ hai đến thứ sáu trong tuần, không gây “quá tải” đối với học sinh. Riêng tiết học Kĩ năng sống không thực hiện trong thời gian dạy học chính khóa (không cùng buổi với các tiết học bắt buộc) và thực hiện dạy-học khi được sự đồng ý của lãnh đạo cấp trên;

- Triển khai các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, giáo dục theo hướng phát huy tính chủ động, tích cực, tự học, phát triển năng lực học sinh, chú trọng việc nhận xét, động viên, góp ý học sinh trong quá trình học tập;

- Bố trí thời gian, nội dung hợp lí đối với các hoạt động dạy học và giáo dục để thực hiện chương trình, sách giáo khoa quy định cho mỗi lớp, thực hành vận dụng kiến thức đã học dưới sự hướng dẫn của giáo viên, tổ chức cho học sinh hoàn thành yêu cầu các môn học hoặc bồi dưỡng năng khiếu cho HS;

- Giáo viên chủ động lựa chọn nội dung hướng dẫn học sinh hoàn thành nội dung các môn học tùy theo khả năng, trình độ của đối tượng học sinh và bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đối tượng học sinh hoàn thành tốt nội dung các môn học trong giờ học trên lớp ở buổi thứ hai; sử dụng có hiệu quả các tài liệu bổ trợ, tuyệt đối không giao bài tập về nhà cho học sinh;

- Có đủ số lượng giáo viên theo quy định tại Thông tư số 32/2018/BGDĐT, phân

công giáo viên dạy 14 lớp học 2 buổi/ngày.

- Về cơ sở vật chất: có đủ 14 phòng học cho 14 lớp, có phòng học bộ môn Tin học và Ngoại ngữ; có sân chơi, bãi tập đáp ứng các hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục; trường có khu bếp ăn bán trú, khu vệ sinh dành cho HS và sẽ tổ chức cho học sinh có nhu cầu ăn bán trú tại trường trong thời gian học 2 buổi/ngày.

- Về thu chi tài chính: Nhà trường thực hiện theo Hướng dẫn số 966/SGDĐT-KHTC ngày 13/8/2018, Công văn số 1208/SGDĐT-KHTC ngày 23/8/2019, Công văn số 1166/SGDĐT- KHTC ngày 25/8/2020 và Công văn số 989/SGDĐT-VP ngày 24/8/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hải Dương.

**3. Nội dung dạy học 2 buổi/ngày**

***3.1. Đối tượng, thời gian***

- Đối tượng: 100% học sinh toàn trường từ khối 1 đến khối 5.

- Thời gian: Từ tháng 9 năm 2022.

***3.2. Kế hoạch giáo dục***

Ngoài những tiết trong kế hoạch dạy học chính khóa theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 (đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3) và Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 (đối với lớp 4 và lớp 5) của Bộ GDĐT và theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo, ở buổi 2 học sinh sẽ được rèn luyện bổ sung kiến thức kỹ năng ở các môn: Tiếng Anh, Tin học, ôn tập Tiếng Việt, rèn chữ viết, ôn tập Toán, tăng cường năng khiếu vẽ, hát,… với tổng số tiết học cụ thể như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Môn học** | **Khối 1** | | **Khối 2** | | **Khối 3** | | **Khối 4** | | **Khối 5** | |
| **Chính** | **Tăng** | **Chính** | **Tăng** | **Chính** | **Tăng** | **Chính** | **Tăng** | **Chính** | **Tăng** |
| Tiếng Việt | 12 | 2 | 10 | 2 | 7 | 3 | 8 | 1 | 8 | 1 |
| Toán | 3 | 2 | 5 | 2 | 5 | 2 | 5 | 1 | 5 | 1 |
| TNXH/KH | 2 |  | 2 |  | 2 |  | 2 |  | 2 |  |
| Lịch sử |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 1 |  |
| Địa lí |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 1 |  |
| Mĩ thuật | 1 |  | 1 | 1 | 1 |  | 1 |  | 1 |  |
| Kĩ thuật |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 1 |  |
| Âm nhạc | 1 | 1 | 1 |  | 1 |  | 1 |  | 1 |  |
| Đạo đức | 1 |  | 1 |  | 1 |  | 1 |  | 1 |  |
| GDTC | 2 |  | 2 |  | 2 |  | 2 |  | 2 |  |
| T.Anh |  | 2 |  | 2 | 4 |  |  | 4 |  | 4 |
| HĐTT/HĐTN | 3 |  | 3 |  | 3 |  | 2 |  | 2 |  |
| HĐNGLL |  | 1 |  | 1 |  | 1 |  | 1 |  | 1 |
| Tin học |  | 1 |  | 1 | 1 |  |  | 2 |  | 2 |
| Công nghệ |  |  |  |  | 1 |  |  |  |  |  |
| KNS |  | 1 |  | 1 |  | 1 |  | 1 |  | 1 |
| **Tổng** | **25** | **10** | **25** | **10** | **28** | **7** | **25** | **10** | **25** | **10** |

***3.3. Nội dung giảng dạy***

- Nội dung dạy học buổi thứ 2 tập trung vào việc thực hành các kiến thức đã học và tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động thực hành luyện tập, tổ chức hoạt động trải nghiệm; giúp học sinh còn khó khăn trong học tập, học sinh chưa hoàn thành nội dung các môn học vươn lên hoàn thành yêu cầu học tập; bồi dưỡng học sinh có năng khiếu môn Toán, Tiếng Việt, Mĩ thuật, … ; lớp 1,2,4,5 dạy học các môn Tiếng Anh tăng cường, Tiếng Anh đề án Victoria và Tin học.

- Giáo viên giảng dạy xây dựng nội dung luyện tập đảm bảo các yêu cầu:

+ Nội dung ôn luyện cụ thể ở từng lớp cần được trao đổi trong tổ bộ môn, tập trung vào những kiến thức, kỹ năng đã học theo chương trình của từng tuần học theo kế hoạch dạy học do Tổ chuyên môn xây dựng trên cơ sở đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng (hoặc mục tiêu môn học) và thời lượng dạy học;

+ Các tổ chuyên môn thống nhất tham khảo tài liệu, chọn lọc nội dung dạy học cụ thể, phù hợp với điều kiện dạy học, không vượt quá yêu cầu cơ bản về kiến thức, kỹ năng…;

+ Ôn tập, hệ thống kiến thức cơ bản;

+ Bồi dưỡng, mở rộng, nâng cao kiến thức;

+ Rèn luyện các kỹ năng;

+ Khắc sâu thêm kiến thức trong chương trình học;

+ Hướng dẫn học sinh phương pháp tự học;

+ Rèn kỹ năng sống cho học sinh;

- Tổ chức thêm các hoạt động vui chơi cho học sinh như: đọc sách; trò chơi dân gian; hát, múa, kể chuyện, diễn kịch; vẽ tranh; thể dục thể thao; hoạt động Sao; thực hành ATGT, kĩ năng sống,…

***3.4. Kế hoạch bài dạy***

Giáo viên xây dựng kế hoạch bài dạy thống nhất theo kế hoạch dạy học chung của khối lớp mình phụ trách, theo hướng dẫn phù hợp đặc điểm của môn học. Xây dựng bài dạy đủ số tiết dạy theo quy định dạy học 2 buổi/ngày; kế hoạch bài dạy đảm bảo đúng nội dung chương trình do Tổ chuyên môn xây dựng và đã được Phó Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt, theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.

***3.5. Hồ sơ, sổ sách theo dõi hoạt động dạy học 2 buổi/ngày***

Phó Hiệu trưởng nhà trường xây dựng kế hoạch dạy học 2 buổi/ngày, thường xuyên tổ chức kiểm tra, theo dõi hoạt động dạy học của giáo viên và học sinh.

Các Tổ chuyên môn, các bộ phận có trách nhiệm theo dõi tiến độ thực hiện hoạt động dạy học 2 buổi/ngày đảm bảo đúng kế hoạch.

Giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học, kế hoạch bài dạy; theo dõi, ghi nhận kết quả học tập, rèn luyện của học sinh để đánh giá và thông báo tới cha mẹ học sinh.

**4.  Mức thu, chi đối với tổ chức dạy học 2 buổi/ngày**

Nhà trường thực hiện theo Công văn số số 538/SGDĐT- KHTC hướng dẫn thu chi tiền học 2 buổi/ngày của Sở giáo dục.

**\* Mức thu từng khối lớp theo đúng phê duyệt của cấp có thẩm quyền**

**\* Nội dung chi:**

- 80% nguồn thu chi cho giáo viên trực tiếp giảng dạy.

- 15% nguồn thu chi cho công tác quản lý.

- 5% nguồn thu chi hỗ trợ điện, nước, văn phòng phẩm, cơ sở vật chất,...

**\*Danh sách CB, giáo viên tham gia dạy học 2 buổi/ngày**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Trình độ** | **Chức vụ** | **Dạy lớp (môn)** | **Số tiết TT**  **buổi 2** |
| 1 | Nguyễn Thị Thúy | ĐH | HT | 5B | 1 |
| 2 | Nguyễn Văn Thưởng | ĐH | PHT | 5B | 2 |
| 3 | Nguyễn Thị Lan | ĐH | GV, TT | 1A | 6 |
| 4 | Trần Thị Phượng | CĐ | GV | 1B | 6 |
| 5 | Đoàn Thị Dung | ĐH | GV | 2A | 6 |
| 6 | Đặng Thị Huyền | ĐH | GV,TT | 2B | 8 |
| 7 | Tăng Thị Thùy | ĐH | GV | 2C | 6 |
| 8 | Đỗ Thị Hải Yến | ĐH | GV | 3A | 4 |
| 9 | Nguyễn Thị Sinh | CĐ | GV, TP | 3B | 5 |
| 10 | Lê Thị Thi | ĐH | GV | 3C | 4 |
| 11 | Nguyễn Thị Phượng | ĐH | GV | 4A | 4 |
| 12 | Vũ Ngọc Thanh | ĐH | GV | 4B | 4 |
| 13 | Đàm Thị Huyền | ĐH | GV, TP | 4C | 5 |
| 14 | Nguyễn Thu Hiền | ĐH | GV | 5A | 4 |
| 15 | Dương Thị Vân | ĐH | GV,TT | 5C | 6 |
| 16 | Lê Thị Kim Oanh | ĐH | GV, PTĐ,TBTT | ÂN K1-K5; HĐTN K1; TD+HĐNG1A; | 4 |
| 17 | Bùi Thị Thân | CĐ | GV, PTĐ | Mĩ thuật K1-K5 | 5 |
| 18 | Đỗ Thị Lan | ĐH | GV, CTCĐ, TP | GDTC1B, K2-K5 | 8 |
| 19 | Vũ Thị Phương | ĐH | GV, BCHCĐ | Tiếng Anh K1,2,3; ĐĐ+HĐTN 2B | 3 |
| 20 | Phạm Mỹ Duyên | CĐ | GV | Tiếng Anh K4,5 | 1 |
| 21 | Đặng Thị Hồng Tuyết | ĐH | GV | Tin học K1-K5;  CN K3; KT5B,5C | 5 |

**IV. GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Giải pháp**

***1.1. Nâng cao nhận thức cho đội ngũ***

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức của CBGV,NV về việc thực hiện dạy học 2 buổi/ngày là nhằm củng cố và nâng cao chất lượng dạy học, giáo dục, là nhiệm vụ bắt buộc để đáp ứng yêu cầu của Chương trình GDPT 2018.

- Xây dựng kế hoạch sát với thực tiễn và báo cáo các cấp quản lý, nắm rõ mục đích nội dung của dạy học 2 buổi/ngày, như: khả năng về đội ngũ giáo viên, phòng học, các điều kiện để phục vụ dạy và học.

- Hiệu trưởng phổ biến, quán triệt đầy đủ các văn bản chỉ đạo liên quan tới dạy học 2 buổi/ngày, xây dựng kế hoạch và phân công đội ngũ GV, sắp xếp phòng học, các điều kiện về CSVC phục vụ cho việc dạy học 2 buổi/ngày.

***1.2. Tăng cường các nguồn lực***

- Bố trí đủ phòng học, CSVC để tổ chức dạy học 2 buổi/ ngày.

- Phân công đội ngũ giáo viên phù hợp với năng lực, trình độ được đào tạo và kinh nghiệm tổ chức dạy học.

- Thường xuyên tổ chức sinh hoạt chuyên môn để trao đổi, thảo luận và bàn biện pháp nâng cao hiệu quả giờ dạy cũng như các tiết ôn tập và các hoạt động giáo dục cho học sinh, tập trung thảo luận dạy học theo hướng PT năng lực người học.

***1.3. Về tổ chức dạy và học***

- Tổ trưởng, tổ phó chuyên môn xây dựng kế hoạch từng khối lớp bám sát theo kế hoạch chung của nhà trường, đảm bảo nội dung dạy học phù hợp với đối tượng học sinh của khối lớp mình phụ trách, phù hợp với kiến thức từng môn học, đảm bảo tính vừa sức với học sinh.

- Giáo viên lập kế hoạch dạy học, được chủ động lựa chọn nội dung dạy học các môn, đảm bảo thực hiện đúng theo kế hoạch của nhà trường và sự thống nhất của tổ, khối chuyên môn.

- Đảm bảo giờ giấc dạy học, giáo dục (dạy đủ thời lượng trên lớp theo đúng quy định, tổ chức các hoạt động theo đúng kế hoạch).

- Ngoài ra, tổ chức cho HS được học các môn tự chọn, được học kĩ năng sống, học Chương trình giáo dục địa phương và tham gia các hoạt động giáo dục khác.

***1.4. Kiểm tra đánh giá công khai chất lượng***

- Nhà trường có kế hoạch kiểm tra nội bộ về nội dung dạy học 2 buổi/ngày, tổ chức đánh giá rút kinh nghiệm trong việc thực hiện dạy học 2 buổi/ngày, đặc biệt là nền nếp dạy học, hoạt động giáo dục ở buổi thứ 2.

- Ban Giám hiệu theo dõi hiệu quả dạy học của giáo viên, tăng cường tổ chức khảo sát chất lượng học sinh các lớp.

 - Giáo viên tự đánh giá hiệu quả việc dạy học giữa kỳ, cuối kỳ, cuối năm học và thông báo cho cha mẹ học sinh kết quả chất lượng của học sinh.

***1.5. Một số giải pháp khác***

- Học sinh được tự học có sự hướng dẫn của GV để hoàn thành yêu cầu học tập trên lớp, sử dụng có hiệu quả các tài liệu bổ trợ, không giao bài tập về nhà cho HS.

- Tăng cường các hoạt động thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện. Thực hành vận dụng kiến thức đã học và tổ chức học sinh tham gia các hoạt động ngoại khoá…

- Thực hiện phương pháp giáo dục tích cực giúp học sinh được phát triển năng lực bản thân, có khả năng tự học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác làm việc nhóm,…

- Xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, tạo hứng thú, hỗ trợ và thúc đẩy việc học tập; phát huy tính tích cực, tự giác, vai tṛò làm chủ của học sinh.

**2. Tổ chức thực hiện**

- Ban Giám hiệu thực hiện nghiêm túc việc phân công giáo viên, tạo mọi điều kiện để giáo viên hoàn thành tốt nhiệm vụ giáo dục và giảng dạy.

- Giao cho Phó Hiệu trưởng chịu trách nhiệm xây dựng thời khóa biểu, chỉ đạo nội dung, chương trình dạy học cho từng tổ chuyên môn.

- Giáo viên giảng dạy bộ môn phối hợp với giáo viên chủ nhiệm lớp chịu trách nhiệm lên kế hoạch, nội dung cần phụ đạo, bồi dưỡng theo đúng đối tượng và thời khóa biểu, quan tâm hơn tới học sinh tiếp thu chậm, học sinh khuyết tật (nếu có), học sinh cá biệt, học sinh có hoàn cảnh khó khăn của lớp.

- Tổ chức cho cán bộ, giáo viên nghiên cứu các văn bản hướng dẫn và nội dung của kế hoạch dạy học 2 buổi/ngày đồng thời tiến hành những nội dung cụ thể sau:

+ Đầu năm học, GVCN lớp tổ chức cho PHHS tự nguyện đăng ký cho con em học buổi 2 (đối với lớp 4,5) và đăng kí học các môn tự chọn (các khối lớp).

+ Giáo viên, Tổ chuyên môn, các bộ phận xây dựng nội dung, kế hoạch dạy học, giáo dục, bồi dưỡng … theo hướng dẫn của Bộ, Sở và Phòng Giáo dục và Đào tạo.

**V. THÀNH LẬP BAN QUẢN LÝ DẠY HỌC 2 BUỔI**

Ban chỉ đạo dạy học 2 buổi/ngày gồm:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Nhiệm vụ** |
| 1 | Nguyễn Thị Thúy | Hiệu trưởng | Trưởng ban |
| 2 | Nguyễn Văn Thưởng | Phó Hiệu trưởng | Phó trưởng ban |
| 3 | Nguyễn Thị Lan | Tổ trưởng CM tổ 1 | Thành viên |
| 4 | Đỗ Thị Lan | Tổ phó CM tổ 1 | Thành viên |
| 5 | Đặng Thị Huyền | Tổ trưởng CM tổ 2+ 3 | Thành viên |
| 6 | Nguyễn Thị Sinh | Tổ phó CM tổ 2+3 | Thành viên |
| 7 | Dương Thị Vân | Tổ trưởng CM tổ 4+5 | Thành viên |
| 8 | Đàm Thị Huyền | Tổ phó CM tổ 4+5 | Thành viên |

Ban chỉ đạo dạy học 2 buổi/ngày có trách nhiệm xây dựng kế hoạch thực hiện, phân công thực hiện nhiệm vụ và theo dõi, đánh giá việc tổ chức dạy học 2 buổi/ngày.

**VI. CÔNG TÁC KIỂM TRA**

- Kiểm tra việc xây dựng Thời khóa biểu

- Kiểm tra GV xây dựng kế hoạch bài dạy của khối, giáo viên

- Kiểm tra Kế hoạch dạy học 2 buổi/ngày

- Kiểm tra nền nếp dạy-học

- Dự giờ, nhận xét tiết dạy.

- Tổ chức kiểm tra định kỳ hồ sơ sổ sách GV định kỳ 2 lần/năm.

          Trên đây là Kế hoạch tổ chức dạy học 2 buổi/ngày năm học 2022 - 2023 của trường Tiểu học Tân Tiến. Yêu cầu toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên Nhà trường cam kết chấp hành đúng các quy định nhằm nâng cao chất lượng dạy học, giáo dục, đồng thời đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu học tập của học sinh, nguyện vọng của cha mẹ học sinh và xã hội. Trong quá trình thực hiện Kế hoạch sẽ có điều chỉnh, bổ sung để phù hợp với tình hình thực tế./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - BGH;  - Tổ chuyên môn, giáo viên;  - Lưu: Hồ sơ.  . | **NGƯỜI LẬP**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  Description: C:\Users\Administrator\Desktop\Chữ kí.jpg  **Nguyễn Văn Thưởng** | **HIỆU TRƯỞNG**  **C:\Users\Administrator\Desktop\z3735606618809_07d92f47d515b91c5c4b26518f99fe6b.jpg**  **Nguyễn Thị Thúy** |